

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04-4-2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Viên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thúy Nga.
2. Ông Hoàng Văn Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Kim Lân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 322/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: khu phố 114, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: khu phố 114, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(N đơn và bị đơn đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2021; bản tự khai ngày 08/11/2021 Nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Ngọc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh L tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1996 nhưng đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký

kết hôn vào ngày 27/10/2004. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, N nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng trong cuộc sống. Chị và anh L đã không còn chung sống với nhau từ năm 2019 đến nay. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh L nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mai T, sinh ngày 11/5/1997 và Nguyễn Tài N, sinh ngày 14/8/2001. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh L: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 322/2021/TB-TLVA ngày 22 tháng 10 năm 2021 cho anh L nhưng không tổng đạt trực tiếp được nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án theo quy định. Anh Nguyễn Thanh L không có ý kiến trả lời theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành niêm yết giấy triệu tập làm việc, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L không đến Tòa án làm việc, hòa giải do đó anh L không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mai T, sinh ngày 11/5/1997 và Nguyễn Tài N, sinh ngày 14/8/2001. Các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn Thanh L hiện cư trú tại khu phố 114, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị Huỳnh Thị Ngọc T yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Nguyễn Thanh L nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Huỳnh Thị Ngọc T là Nguyên đơn; anh Nguyễn Thanh L là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Ngọc T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Thanh L đã được triệu tập hợp lệ hai lần mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Chị T và anh L tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 27/10/2004 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị T: Chị T xin ly hôn với lý do cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, N nhân mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống và chị T hiện nay không còn chung sống với anh L và cũng không còn tình cảm với anh L. Qua thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng chị T và anh L thật sự có mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn chăm lo cho nhau.

Qua xem xét lời trình bày của chị T, chứng cứ Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định vợ chồng chị T, anh L thật sự đã có mâu thuẫn, vợ chồng hiện nay đã không còn chung sống với nhau và không còn quan tâm chăm sóc nhau, vi phạm quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh L không tham gia hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, điều này thể hiện anh L không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh L đã có mâu thuẫn, khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, giải quyết cho chị T được ly hôn với anh L theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Ngọc T. Chị Huỳnh Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh L.

2) Về con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

3) Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4) Về án phí: Chị Huỳnh Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0003280 ngày 22/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị T đã nộp đủ án phí.

5) Về quyền kháng cáo: Chị Huỳnh Thị Ngọc T và anh Nguyễn Thanh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
 - Chi cục Thi hành án dân sự Đ;
 - Các đương sự;
 - UBND TT.Đ
- (giấy CNKH số 23, ngày 27/10/2004);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Viễn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

